

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại,
thuộc nhóm dẫn đầu cả nước giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH

Giai đoạn 2021 - 2025, công nghiệp của tỉnh phát triển nhanh; giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng bình quân 11,55%/năm, cao hơn mức bình quân cả nước và vùng đồng bằng sông Hồng; tỷ trọng công nghiệp trong GRDP tăng từ 41,36% năm 2020 lên 45,6% năm 2025, thuộc nhóm dẫn đầu vùng đồng bằng sông Hồng. Nhiều khu công nghiệp quy mô lớn được đầu tư hạ tầng đồng bộ, thu hút được các dự án FDI công nghệ cao; hệ thống cụm công nghiệp hình thành các khu vực sản xuất tập trung, tạo việc làm và nguồn thu cho địa phương. Kết cấu hạ tầng giao thông có bước phát triển vượt bậc, từng bước hình thành các trục kết nối liên vùng, phát huy vai trò cửa ngõ giao thương của vùng đồng bằng sông Hồng. Doanh nghiệp bước đầu đổi mới công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, sản xuất thông minh.

Tuy nhiên, phát triển công nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Năng suất lao động công nghiệp còn thấp; sản xuất chủ yếu ở khâu gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa thấp, công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển. Hạ tầng kết nối khu kinh tế, khu công nghiệp với các vùng lân cận chưa hoàn chỉnh; hạ tầng đô thị, thương mại, dịch vụ, logistics còn hạn chế, chưa hình thành rõ nét các trung tâm động lực. Tỷ lệ lấp đầy khu, cụm công nghiệp không đồng đều, còn diện tích đất chậm đưa vào sử dụng, gây lãng phí nguồn lực. Nguồn nhân lực chất lượng cao thiếu hụt; phần lớn vị trí quản lý, chuyên gia do người ngoài tỉnh và người nước ngoài đảm nhiệm. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực; chuyển đổi số trong doanh nghiệp còn chậm và không đồng đều. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng ở một số nơi còn chậm; áp lực về môi trường tại các khu vực sản xuất tập trung ngày càng lớn; hạ tầng xã hội phát triển chưa theo kịp và đồng bộ với phát triển khu, cụm công nghiệp...

Nguyên nhân chủ yếu của hạn chế là do nhận thức, tư duy về phát triển công nghiệp ở một số cấp ủy, chính quyền chưa theo kịp yêu cầu; cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, phát triển nhân lực, khoa học và công nghệ chưa đủ mạnh, thiếu đồng bộ; nguồn lực đầu tư công còn hạn hẹp so với nhu cầu; công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng triển khai chậm; phối hợp giữa các cấp, các ngành có việc chưa chặt chẽ; trách nhiệm của người đứng đầu ở một số nơi chưa rõ.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Phát triển công nghiệp hiện đại là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, là động lực chủ yếu để tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng hai con số, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và sớm xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

2. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính, là con đường ngắn nhất để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của công nghiệp; chuyển mạnh từ gia công, lắp ráp sang sáng tạo, làm chủ công nghệ và sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đầu tư cho phát triển.

3. Phát triển công nghiệp phải gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với phát triển đô thị, dịch vụ, logistics, kinh tế số, kinh tế xanh và bảo vệ môi trường; lấy khu kinh tế, khu công nghiệp làm hạt nhân hình thành các đô thị công nghiệp - dịch vụ hiện đại, bảo đảm hạ tầng xã hội và nhà ở cho người lao động; khắc phục tình trạng phát triển công nghiệp tách rời đô thị, dịch vụ và hạ tầng xã hội.

4. Doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể; Nhà nước kiến tạo, phục vụ. Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc gắn với chuyển giao công nghệ, đồng thời phát triển mạnh kinh tế tư nhân của tỉnh, nâng cao năng lực doanh nghiệp trong nước tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài; ngoại lực là quan trọng, đột phá.

5. Phát triển nhanh phải đi đôi với bền vững và bao trùm; kiên quyết không đánh đổi môi trường, an sinh xã hội và bản sắc văn hóa lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần; gắn phát triển công nghiệp với củng cố quốc phòng, an ninh và liên kết vùng đồng bằng sông Hồng.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm công nghiệp - dịch vụ hiện đại, đô thị văn minh, kinh tế biển mạnh của vùng đồng bằng sông Hồng; nền công nghiệp phát triển nhanh, bền vững trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng trưởng xanh, có sức cạnh tranh cao; kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an ninh năng lượng và môi trường sinh thái; hoàn thành các tiêu chí để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 11%/năm; quy mô GRDP đến năm 2030 khoảng 686 nghìn tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người trên 209 triệu đồng/người/năm (tương đương khoảng 8.000 USD).

(2) Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 8%; công nghiệp - xây dựng khoảng 60% (trong đó công nghiệp khoảng 55%); dịch vụ khoảng 27,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 4,5%.

(3) Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân trên 13%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân trên 10%/năm; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân trên 11%/năm.

(4) Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 50%; tỷ lệ nội địa hóa của các ngành công nghiệp chủ lực đạt trên 40%; có ít nhất 200 doanh nghiệp của tỉnh trở thành nhà cung ứng cấp 1, cấp 2 cho các tập đoàn đa quốc gia.

(5) Kinh tế số chiếm trên 30% GRDP; trên 80% doanh nghiệp công nghiệp ứng dụng nền tảng số trong quản trị và sản xuất; hình thành ít nhất 20 nhà máy thông minh. Tổng chi cho nghiên cứu và phát triển đạt trên 2% GRDP; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách tỉnh cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(6) Thành lập mới và mở rộng ít nhất 14 khu công nghiệp, đưa 30 cụm công nghiệp vào hoạt động; thu hút thêm ít nhất 10 tỷ USD vốn đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp; tỷ lệ lấp đầy bình quân các khu công nghiệp đang hoạt động đạt trên 85%; tạo thêm việc làm cho khoảng 20.000 lao động. Xây dựng được 01 khu công nghệ cao; tập trung xây dựng và phát triển 01 trung tâm năng lượng phía Nam tỉnh, 01 trung tâm dữ liệu quốc gia.

(7) Hoàn thành các tuyến giao thông kết nối liên vùng trọng điểm; hình thành ít nhất 02 trung tâm logistics cấp vùng; 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường.

(8) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 40,5%; cơ bản đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trình độ cao cho các ngành công nghiệp mũi nhọn. Đẩy nhanh hoàn thành đồng bộ các dự án nhà ở xã hội, thiết chế văn hóa, y tế, giáo dục với phát triển các khu, cụm công nghiệp phục vụ người lao động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp.

(9) Xếp hạng các Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu cả nước.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Hưng Yên là thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung ương; có nền công nghiệp hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; là trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc. Tỷ trọng công nghiệp chiếm khoảng 65% trong cơ cấu GRDP; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo trên 65%; tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp bình quân trên 12%/năm; các chỉ

số PCI, PII, DTI, Par Index, SIPAS, PAPI thuộc nhóm 5 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu cả nước.

IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới tư duy, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; hoàn thiện cơ chế, chính sách đột phá

Các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt sâu sắc, xác định phát triển công nghiệp hiện đại là nhiệm vụ chính trị trọng tâm quan trọng; đưa chỉ tiêu phát triển công nghiệp vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, hằng quý và lấy kết quả thực hiện làm căn cứ đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Rà soát, ban hành đồng bộ cơ chế, chính sách hỗ trợ đột phá đối với dự án công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chuyển giao công nghệ nguồn; xây dựng cơ chế đặc thù, vượt trội cho Khu kinh tế tự do và khu công nghệ cao. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền; áp dụng "làn xanh" thủ tục hành chính đối với dự án chiến lược, quy mô lớn; công khai, minh bạch quy hoạch, quỹ đất và chính sách ưu đãi. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.

Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là trong bồi thường, giải phóng mặt bằng, bảo vệ môi trường và bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân có đất bị thu hồi.

2. Tổ chức lại không gian phát triển công nghiệp gắn với đô thị, dịch vụ và logistics

Tổ chức không gian công nghiệp toàn tỉnh theo 03 vùng động lực gắn với các trục giao thông chiến lược: Vùng phía Bắc phát triển công nghiệp - đô thị công nghệ cao, điện tử, bán dẫn, cơ khí chính xác và công nghiệp hỗ trợ, tiếp giáp Thủ đô Hà Nội; vùng Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo nâng cấp, giữ vai trò kết nối; vùng phía Nam ven biển phát triển công nghiệp biển, năng lượng sạch, hóa dầu, cơ khí - dịch vụ cảng và logistics quốc tế, với hạt nhân là Khu kinh tế và phát triển khu kinh tế tự do. Việc bố trí không gian bảo đảm phát huy tối đa lợi thế từng vùng, tăng cường liên kết nội tỉnh và liên kết vùng đồng bằng sông Hồng.

Phát triển công nghiệp đồng bộ với đô thị và dịch vụ. Mỗi khu kinh tế, khu công nghiệp quy mô lớn phải gắn với khu đô thị - dịch vụ, nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, nhà ở chuyên gia... và thiết chế y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao. Phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao phục vụ công nghiệp như: Tài chính, logistics, tư vấn, kiểm định, thiết kế, thương mại điện tử. Khai thác giá trị văn hóa Phố Hiến, Đền Trần, di sản vùng đồng bằng sông Hồng và lợi thế ven biển để phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa, tạo hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ cho khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp; nâng cao chất lượng sống của chuyên gia và người lao động.

Triển khai hiệu quả các quy hoạch, đề án, phương án phát triển công nghiệp, thương mại đã tích hợp vào Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bố trí quỹ đất phù hợp nhu cầu phát triển; kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, để đất hoang hóa, sử dụng đất kém hiệu quả.

3. Phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp công nghiệp

Ưu tiên phát triển các ngành có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao như: Công nghiệp điện tử - bán dẫn từ lắp ráp, đóng gói, kiểm thử tiến tới nghiên cứu thiết kế và sản xuất linh kiện thể hệ mới; công nghiệp dược - sinh học, hướng tới trung tâm sản xuất dược phẩm giá trị cao của vùng; công nghiệp năng lượng sạch (điện khí LNG, điện gió trên bờ và ngoài khơi, điện mặt trời kết hợp lưu trữ), góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và thực hiện cam kết phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050; công nghiệp chế biến, chế tạo hiện đại theo mô hình công nghiệp 4.0 và công nghiệp hỗ trợ gắn với chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài quy mô lớn, công nghệ tiên tiến, có cam kết chuyển giao công nghệ, sử dụng lao động và nhà cung ứng tại địa phương; kiên quyết không tiếp nhận dự án công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, thâm dụng lao động giản đơn, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh nâng cao năng lực quản trị, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng để trở thành nhà cung ứng cấp 1, cấp 2; thúc đẩy liên kết cụm ngành, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng lực tự chủ của công nghiệp tỉnh.

4. Xây dựng Khu kinh tế tự do; phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp xanh, sinh thái, thông minh

Tập trung xây dựng, phát triển Khu kinh tế tự do Hưng Yên trên nền tảng Khu kinh tế Thái Bình theo mô hình phức hợp, đa chức năng, tổ chức và quản lý theo cơ chế đặc thù, vượt trội, có năng lực cạnh tranh quốc tế, trở thành cực tăng trưởng mới của vùng đồng bằng sông Hồng; đẩy nhanh lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và đầu tư các công trình thiết yếu, ưu tiên dự án công nghệ tiên tiến, ít phát thải.

Phát triển hệ thống khu công nghiệp theo hướng xanh, sinh thái, thông minh, gắn với nhà ở và thiết chế xã hội cho người lao động, chuyên gia; nhân rộng mô hình khu công nghiệp sinh thái, cộng sinh công nghiệp. Phát triển cụm công nghiệp phù hợp tiềm năng, lợi thế từng địa phương, hình thành các cụm chuyên ngành công nghệ cao, công nghệ sạch làm vệ tinh cho khu công nghiệp. Nâng cao tỷ lệ lấp đầy và hiệu quả sử dụng đất; kiên quyết xử lý các dự án hạ tầng chậm triển khai. Nghiên cứu thành lập 01 khu kinh tế chuyên biệt ở phía Bắc tỉnh.

5. Lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính phát triển công nghiệp

Triển khai quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trong lĩnh vực công nghiệp. Đầu tư hạ tầng số chiến lược như: Trung tâm dữ liệu, hệ thống tính toán hiệu năng cao, hạ tầng 5G phủ sóng toàn bộ khu, cụm công nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung về công nghiệp, đất đai, hạ tầng phục vụ quản lý điều hành và xúc tiến đầu tư.

Hình thành và phát huy hiệu quả Khu công nghệ cao Hưng Yên, trung tâm đổi mới sáng tạo, không gian khởi nghiệp sáng tạo gắn kết với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp đầu ngành; phát triển sàn giao dịch công nghệ; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hóa, người máy trong sản xuất công nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, xây dựng nhà máy thông minh, áp dụng hệ thống quản trị số; khuyến khích doanh nghiệp trích lập và sử dụng hiệu quả quỹ phát triển khoa học và công nghệ, tăng chi cho nghiên cứu và phát triển, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ. Phát triển kinh tế số, thương mại điện tử trở thành động lực tăng trưởng mới. Có cơ chế chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực

Phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông đa phương thức, gồm hệ thống đường bộ cao tốc liên vùng, đường sắt, đường thủy nội địa kết nối với hệ thống cảng, bến; đầu tư đồng bộ hệ thống cảng biển, cảng cạn ICD và trung tâm logistics đa phương thức; phát triển dịch vụ logistics bền vững, giá trị gia tăng cao. Bảo đảm hạ tầng năng lượng, cấp nước, viễn thông đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp và đô thị.

Đa dạng hóa hình thức huy động vốn, đẩy mạnh đầu tư theo phương thức đối tác công tư; ưu tiên bố trí ngân sách cho các công trình giao thông kết nối liên vùng có tính lan tỏa cao; sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA; khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong nước đầu tư vào các ngành thế mạnh của tỉnh. Nâng cao chất lượng và tiến độ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân có đất bị thu hồi.

7. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm an sinh xã hội cho người lao động

Xây dựng Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hiện đại của tỉnh. Đổi mới đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp; đẩy mạnh liên kết Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, ưu tiên các lĩnh vực bán dẫn, điện - điện tử,

cơ khí, tự động hóa, công nghệ thông tin; hình thành trung tâm đào tạo lao động kỹ thuật công nghệ cao; tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo và phát huy hiệu quả sản giao dịch việc làm của tỉnh.

Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù thu hút, đãi ngộ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư, sinh viên xuất sắc về làm việc lâu dài tại tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ các dự án nhà ở xã hội, công trình phúc lợi, thiết chế văn hóa, y tế, giáo dục tại các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp.

8. Phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng công nghiệp theo hướng xanh, tuần hoàn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất đai, nước và năng lượng; khuyến khích doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn từ thiết kế sản phẩm, sử dụng nguyên vật liệu tái chế đến thu gom, tái chế chất thải công nghiệp; từng bước thực hiện kiểm kê khí nhà kính, chuẩn bị điều kiện tham gia thị trường các-bon.

Ưu tiên thu hút các dự án sử dụng năng lượng tái tạo, công nghệ sản xuất sạch, ít phát thải. Nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo sớm; lồng ghép yêu cầu thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng vào quy hoạch phát triển công nghiệp, nhất là khu vực ven biển, bảo đảm an toàn cho hạ tầng và hoạt động sản xuất trong dài hạn. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao; định kỳ kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết. Đảng ủy xã, phường xây dựng nghị quyết chuyên đề để triển khai phù hợp với thực tiễn địa phương.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo phê duyệt Đề án và cụ thể hóa Nghị quyết thành cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch với mục tiêu, lộ trình, nguồn lực và phân công trách nhiệm cụ thể; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách bảo đảm đồng bộ, khả thi; ưu tiên bố trí nguồn lực tổ chức thực hiện; định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì hướng dẫn việc quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông xây dựng kế

hoạch tuyên truyền, kịp thời biểu dương mô hình mới, cách làm hay, tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến.

5. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết đối với cấp ủy, tổ chức đảng các địa phương, đơn vị.

6. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ, đảng viên và tuyên truyền rộng rãi trong các tầng lớp Nhân dân.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Đảng ủy Chính phủ;
- Các ban đảng Trung ương;
- Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
- Đảng ủy Bộ Công Thương;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các ban, cơ quan của Tỉnh ủy;
- MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- VPTU: CVP, PCVPTM;
- Lưu VPTU, TH^{Đảng}.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Phạm Quang Ngọc